TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 18/10/2019
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH VĨNH PHÚC

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Kiên Thành

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phùng Văn Thông.

2. Ông Nguyễn Văn Chung.

- Thư ký phiên toà: Bà Cao Thị Hải Yến – Thư ký Toà án nhân dân huyện V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên toà: Bà Trương Thị Thanh Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 159/2019/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2019. Về việc Tranh chấp hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 93/2019/QĐST ngày 02/10/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Minh Ngh, sinh năm 1994 (có mặt)
- Bị đơn: Anh Phan Bá T, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Đều trú tại: Thôn T, xã N, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 6 năm 2019, những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Nguyên đơn chị Lê Minh Ngh trình bày chị và anh Phan Bá T đăng ký kết hôn ngày 02/11/2012. Trước khi cưới có được tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N. Cưới xong chị về làm dâu và ăn ở chung cùng gia đình anh T. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh T hay chơi bời không chịu khó làm ăn, thường xuyên vay nặng lãi, không quan tâm đến vợ con do vậy tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 6/2016 cho đến nay, chị ở cùng bố mẹ anh T còn anh T ở riêng một nhà khác. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị xin ly hôn anh T.

Về con chung: Chị xác nhận chị và anh T có 02 con chung là cháu

Phan Bá Thanh T, sinh ngày 08/02/2014; cháu Phan Bá Huy B, sinh ngày 14/8/2016 hiện nay 02 cháu đang ở với chị và ông bà nội. Ly hôn chị đề nghị mỗi người nuôi 01 con chung, chị xin nuôi cháu Huy B. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tại chị đang làm công nhân may, thu nhập bình quân 5.000.000đ/01 tháng. Còn anh T làm nghề tự do, thu nhập bao nhiêu thì chị không biết. Anh T ở riêng một nhà. Đất và nhà do bố mẹ chồng chị cho anh T.

Về tài sản, công nợ, đất canh tác, công sức chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phan Bá T vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án tại biên bản lấy lời khai ngày 12/8/2019 tại nhà anh T thì anh Phan Bá T trình bày: Về thời gian kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống như chị Ngh trình bày là đúng. Còn nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong kinh tế dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt không quan tâm đến nhau. Chị Ngh đến ở cùng bố mẹ anh còn anh ở một mình một nhà, không ai quan tâm đến ai. Nay chị Ngh có đơn xin ly hôn anh, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn anh đồng ý ly hôn với chị Ngh.

Về con chung anh xác nhận vợ chồng có hai con chung như chị Ngh trình bày. Ly hôn anh xin nuôi cả hai con không yêu cầu chị Ngh cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Hiện nay anh đang là công nhân công ty Viettel mức lương 7.000.000đ/01 tháng, anh có hợp đồng lao động nhưng anh không cung cấp cho Tòa án.

Về tài sản, công nợ, đất canh tác, công sức anh không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V trình phát biểu quan điểm: Về thủ tố tụng: Quá trình nhận đơn, thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ Thẩm phán đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự; Tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh T chưa chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện V không có yêu cầu hay kiến nghị gì và Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Minh Ngh. Xử cho chị Lê Minh Ngh được ly hôn anh Phan Bá T.

Về con chung giao cho chị Lê Minh Ngh tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Phan Bá Huy B, sinh ngày 14/8/2016. Anh Phan Bá T nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Phan Bá Thanh T, sinh ngày 08/02/2014 không ai phải cấp dưỡng nuôi

con chung cùng nhau. Chị Ngh phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng dân sự: Chị Lê Minh Ngh khởi kiện anh Phan Bá T tranh chấp về quan hệ hôn nhân và gia đình, Chị Ngh có quyền khởi kiện yêu cầu ly hôn anh T. Bị đơn anh T có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã N, huyện V nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện V. Các đương sự tham gia tố tụng đảm bảo năng lực pháp luật tố tụng dân sự và năng lực hành vi tố tụng dân sự, anh T vắng mặt không lý do. Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử xác định thủ tục tố tụng trong vụ án đảm bảo theo các quy định tại các Điều 28, 35, 39, 69 và Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Lê Minh Ngh và anh Phan Bá T là hôn nhân hợp pháp có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện V. Xét nguyện vọng xin ly hôn của chị là có căn cứ vì quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân trong cuộc sống hàng ngày vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp thường xuyên cãi chửi nhau. Anh T hay chơi bời không quan tâm đến vợ con, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt do vậy từ tháng 6 năm 2016 vợ chồng sống ly thân đến nay hai bên không thăm hỏi nhau. Tại phiên tòa anh T vắng mặt, tại biên bản lấy lời khai anh T cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn anh đồng ý được ly hôn chị Ngh. Việc thuận tình ly hôn giữa chị Ngh và anh T là hoàn toàn tự nguyện là phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận. Nhưng do anh T vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 xử chị Ngh được ly hôn anh T.

Về nuôi con chung: Chị Ngh và anh T đều xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Phan Bá Thanh T, sinh ngày 08/02/2014; cháu Phan Bá Huy B, sinh ngày 14/8/2016 hiện nay 02 con đang ở với chị và ông bà nội. Xét thấy hiện nay chị Ngh và anh T đều có thu nhập ổn định. Nên cần giao cho mỗi người nuôi 01 con chung, chị Ngh được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Huy B, sinh ngày 14/8/2016. Anh T được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Thanh T, sinh ngày 08/02/2014. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở là phù hợp với các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, đất canh tác, công sức: Chị Ngh, anh T không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét quyết định.

[3] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Lê Minh Ngh phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Minh Ngh: Chị Lê Minh Ngh được ly hôn anh Phan Bá T.

2/ Về nuôi con chung: Giao cho chị Ngh tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Phan Bá Huy B, sinh ngày 14/8/2016. Anh Phan Bá T nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Phan Bá Thanh T, sinh ngày 08/02/2014 không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung (hiện hai con đang ở cùng chị Ngh). Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3/ Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Ngh phải chịu 300.000đ án phí được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số AA/2017/0002245 ngày 14/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự V.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện V;
- Chi cụcTHADS huyện V;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Kiên Thành